

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2020.

V/v xin ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng.

2. Ông Nguyễn Việt Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Phú Lợi A, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Phú Lợi A, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị P trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 không làm lễ cưới theo truyền thống và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, bị đơn không còn chung thủy với nguyên đơn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có ba con chung chị Nguyễn Thị Tài L, sinh năm 1991, anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1994, cháu Nguyễn Chí L, sinh ngày 13/12/2007 nguyên đơn yêu cầu nuôi con chung cháu Nguyễn Chí L, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Đương sự yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung theo yêu cầu của nguyên đơn và cũng theo nguyện vọng của cháu giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, về cấp dưỡng do nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Phạm Thị P khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn H và bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Phú Lợi A, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn, nuôi con yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn Nguyễn Văn H, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án căn vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Phạm Thị P và bị đơn Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 không tổ chức lễ cưới theo truyền thống và không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là không hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính cách và cách sống, quá trình chung sống bị đơn không chung thủy với nguyên đơn, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau, sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không đến Tòa án cho ý kiến về vụ kiện chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn, chứng tỏ bị đơn không có trách nhiệm trong hôn nhân của mình nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung thời gian chung sống nguyên đơn và bị đơn có ba con chung chị Nguyễn Thị Tài L, sinh năm 1991, anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Chí L, sinh ngày 13/12/2007 có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng này của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 9, 53, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị P và bị đơn Nguyễn Văn H không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung chị Phạm Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí L, giới tính: Nam, sinh ngày 13/12/2007. Anh Nguyễn Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích, của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0003918 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân